

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**
Báo cáo của Hội đồng Quản trị
Báo cáo tài chính đã kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2014	6 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Bà Bùi Thị Thu Hương	Chủ tịch
Ông Phan Lê Hoan	Phó Chủ tịch
Ông Lương Hoài Nam	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên
Ông Võ Tá Quế	Thành viên
Ông Đoàn Ngọc Cương	Thành viên
Ông Lê Xuân Lộc	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên

Thành viên Ban kiểm soát

Ông Bùi Á Đông	Trưởng ban
Ông Khoa Năng Lưu	Thành viên
Bà Trần Thị Huyền Trân	Thành viên

2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Tô Hiến Phụng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc

3. **Trụ sở hoạt động:** Số 30 Đường Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

4. Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty chủ yếu là: Dịch vụ giao nhận, bốc xếp hàng hóa. Lưu giữ hàng hóa. Hoạt động dịch vụ mặt đất cảng hàng không. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. Kinh doanh bất động sản.

5. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 27.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014.

10. Các cam kết khác

Theo thỏa thuận tại hợp đồng hợp tác khai thác dịch vụ tổng hợp hàng không (hợp đồng dự thảo) giữa Công ty và Quân chủng Phòng không – Không quân (đơn vị chủ quản của Công ty Sửa chữa Máy bay A41). Theo đó, Công ty phải phân phối lợi nhuận sau thuế hàng năm không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho đơn vị này cho giai đoạn từ năm 2014 đến 2018 với số tiền lần lượt là 20 tỷ đồng (năm 2014), 20 tỷ đồng (năm 2015), 26 tỷ đồng (năm 2016), 30 tỷ đồng (năm 2017) và 30 tỷ đồng (năm 2018); giai đoạn từ năm 2019 đến 2057 hai bên sẽ tiếp tục thương thảo.

Theo Thỏa thuận nguyên tắc thành lập Công ty ngày 17/8/2008, Công ty Sửa chữa Máy bay A41 góp 72 tỷ đồng gồm: 71,9 tỷ đồng bằng tiền thuê 14,3 ha đất quốc phòng tại số 6, đường Thăng Long, phường 14, quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh (Nay là khu đất thuộc địa chỉ 30 Phan Thúc Duyệt, quận Tân Bình, Tp. HCM), ổn định trong 15 năm, 05 tháng đầu / thời hạn 49 năm của dự án và 100 triệu bằng tiền mặt. Hiện tại, Công ty vẫn đang phân bổ tiền thuê khu đất này tương ứng với 49 năm..

11. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

12. **Phê duyệt của Hội đồng quản trị**

Công ty cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với bất kỳ các đối tác nào của Công ty ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị


Bùi Chi Chu Hương

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 24 tháng 01 năm 2015



Số: 250/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ và BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn, được lập ngày 24 tháng 01 năm 2015, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2015

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

P. GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN TUYÊN

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0111-2013-042-1

KIỂM TOÁN VIÊN



HỒ ĐẮC HIẾU

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0458-2013-042-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		40.986.721.307	34.956.516.616
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	16.581.678.878	10.003.755.720
1. Tiền	111		16.581.678.878	10.003.755.720
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	V.02	20.605.478.020	21.487.287.134
1. Phải thu khách hàng	131		19.709.368.535	16.063.089.989
2. Trả trước cho người bán	132		726.716.137	422.885.025
3. Các khoản phải thu khác	135		219.572.161	5.001.312.120
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(50.178.813)	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140		2.385.815.320	2.972.632.487
1. Hàng tồn kho	141		2.385.815.320	2.972.632.487
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.03	1.413.749.089	492.841.275
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.156.472.537	389.741.111
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		257.276.552	103.100.164
B. Tài sản dài hạn	200		904.613.925.455	958.257.048.487
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		829.171.002.465	878.766.712.776
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.04	770.959.955.837	813.560.073.309
- Nguyên giá	222		910.319.664.759	906.370.863.475
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(139.359.708.922)	(92.810.790.166)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.05	48.405.296.039	53.918.261.753
- Nguyên giá	225		64.851.658.199	64.851.658.199
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(16.446.362.160)	(10.933.396.446)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	9.583.977.565	11.288.377.714
- Nguyên giá	228		15.339.962.285	15.124.562.285
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.755.984.720)	(3.836.184.571)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		221.773.024	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260	V.07	75.442.922.990	79.490.335.711
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		72.156.357.990	76.197.770.711
2. Tài sản dài hạn khác	268		3.286.565.000	3.292.565.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		945.600.646.762	993.213.565.103

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		444.775.943.969	564.725.950.026
I. Nợ ngắn hạn	310		116.038.633.506	52.574.319.505
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.08	85.856.537.924	39.657.132.728
1. Phải trả người bán	312	V.09	1.759.594.366	2.351.774.582
2. Người mua trả tiền trước	313	V.09	504.142	624.786.241
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.10	5.999.527.269	1.605.912.838
4. Phải trả người lao động	315	V.11	5.719.000.000	5.085.067.197
5. Chi phí phải trả	316	V.12	877.814.276	2.249.100.617
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	15.669.213.687	811.103.460
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		156.441.842	189.441.842
II. Nợ dài hạn	330	V.14	328.737.310.463	512.151.630.521
1. Phải trả dài hạn khác	333		7.072.425.381	6.151.210.541
2. Vay và nợ dài hạn	334		287.014.540.921	459.829.441.302
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		34.650.344.161	46.170.978.678
B. Vốn chủ sở hữu	400		500.824.702.792	428.487.615.077
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	500.824.702.792	428.487.615.077
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		480.000.000.000	480.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		644.128.916	644.128.916
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		460.428.661	460.428.661
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ)	420		19.720.145.215	(52.616.942.500)
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		945.600.646.762	993.213.565.103

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ các loại - USD	125,265.48	41,065.07
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính




Ngô Thị Anh Thư
Người lập biểu



Lê Xuân Lộc
Kế toán trưởng




Nguyễn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 01 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		275.464.508.105	208.329.742.309
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	275.464.508.105	208.329.742.309
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	93.262.845.257	87.559.582.154
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		182.201.662.848	120.770.160.155
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	189.763.672	953.632.999
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	38.691.867.141	61.522.934.159
- Trong đó: Chi phí lãi vay và lãi thuê tài chính	23		37.308.561.926	59.713.788.482
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	46.087.937.872	40.229.296.717
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		97.611.621.507	19.971.562.278
11. Thu nhập khác	31	VI.06	130.177.227	1.450.115.032
12. Chi phí khác	32	VI.07	1.310.081.606	1.149.894.291
13. Lợi nhuận khác (lỗ)	40		(1.179.904.379)	300.220.741
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		96.431.717.128	20.271.783.019
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.08	4.094.629.412	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		92.337.087.715	20.271.783.019
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	1.773	497

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Ngô Thị Anh Thư
Người lập biểu



Lê Xuân Lộc
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 01 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	96.431.717.128	20.271.783.019
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	53.981.684.619	50.160.772.566
Các khoản dự phòng	03	50.178.813	-
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.383.305.215	1.752.080.477
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(134.659.423)	(505.260.374)
Chi phí lãi vay	06	37.308.561.926	59.713.788.482
<i>Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	189.020.788.278	131.393.164.170
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(4.308.407.944)	(10.294.424.815)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	586.817.167	(2.965.319.745)
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	(12.074.081.869)	(61.092.433.047)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	3.274.681.295	4.212.385.547
Tiền lãi vay đã trả	13	(37.657.645.545)	(60.595.442.280)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(26.762.143)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	6.000.000	156.200.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	138.821.389.240	814.129.830
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(4.385.974.308)	(3.905.255.442)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	134.659.423	505.260.374
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.251.314.885)	(3.399.995.068)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	55.000.000.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	15.000.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(135.990.255.336)	(40.626.006.079)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(7.000.000.000)	(4.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(127.990.255.336)	10.373.993.921
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	6.579.819.019	7.788.128.683
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	10.003.755.720	2.294.582.569
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.895.861)	(78.955.532)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	16.581.678.878	10.003.755.720

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Ngô Thị Anh Thu
 Người lập biểu

Lê Xuân Lộc
 Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Khánh
 Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 01 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009937 ngày 08/4/2008, và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 28/7/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 480.000.000.000 đồng.

2 Tên giao dịch và trụ sở

Tên Công ty bằng tiếng Anh: Saigon Cargo Service Corporation

Tên Công ty viết tắt: SCSC

Trụ sở chính đặt tại: 30 Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

3 Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại - Dịch vụ

4 Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Dịch vụ giao nhận hàng hóa, bốc xếp hàng hóa. Kinh doanh bất động sản. Hoạt động dịch vụ mặt đất cảng hàng không. Thi công xây dựng cầu cảng, công trình dân dụng - công nghiệp. Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô. Lưu giữ hàng hóa. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. Dạy nghề

5 Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động đến ngày 31/12/2014: 297 người.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1 Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- 2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

IV Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác được Công ty áp dụng theo Chuẩn mực kế toán số 10. Theo đó, Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Bên cạnh đó, theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính, thì:

- Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.
- Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá hối đoái bình quân tại ngày 31/12/2014 là 21.375 VND/USD.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 45 năm
Máy móc thiết bị	03 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định khác	03 - 12 năm
Phần mềm vi tính	03 - 08 năm

6. Hợp đồng thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phản ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hoá được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính hoặc theo thời hạn thuê tài sản, nếu có cam kết là bên thuê sẽ không được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Máy móc thiết bị	10 - 15 năm
Phương tiện vận tải	10 năm

7. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	02 - 05 năm
- Chi phí bản quyền phần mềm vi tính	01 năm
- Chi phí chờ phân bổ khác (chi phí bảo hiểm,...)	01 - 03 năm
- Chi phí tiền thuê đất	49 năm
- Phần chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá bán TSCĐ đối với hợp đồng bán tài sản cố định và thuê lại tài sản thuê tài chính	10 - 15 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

8. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ là doanh thu cung cấp dịch vụ xử lý hàng hóa đối với các loại hàng hóa nội địa, hàng xuất nhập khẩu, hàng quá cảnh và hàng chuyên cửa khẩu,... được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê

Doanh thu từ hoạt động cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

13. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

14. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

15. Thuế

Căn cứ giấy chứng nhận đầu tư số 41121000112, chứng nhận lần đầu ngày 20/4/2009 và các văn bản pháp lý có liên quan, Công ty tự xác định mức hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được thành lập từ dự án đầu tư (dự án đầu tư ga hàng hóa sân bay Tân Sơn Nhất) là: thuế suất ưu đãi 20% trong 10 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu, miễn 100% trong 2 năm đầu từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% cho 3 năm tiếp theo (Năm 2014 là năm thứ 2 Công ty được giảm 50%). Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

16. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt		1.371.841.602	1.189.702.781
Tiền gửi ngân hàng	(*)	15.209.837.276	8.814.052.939
Cộng		16.581.678.878	10.003.755.720

(*) Bao gồm:	Ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng bằng VND		12.532.285.503
Tiền gửi ngân hàng bằng USD	125,265.48	2.677.551.773
Cộng		15.209.837.276

2. Các khoản phải thu ngắn hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	(2.1)	19.709.368.535	16.063.089.989
Trả trước cho người bán	(2.2)	726.716.137	422.885.025
Phải thu khác		219.572.161	5.001.312.120
Cộng		20.655.656.833	21.487.287.134
Dự phòng phải thu khó đòi		(50.178.813)	-
Cộng giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn		20.605.478.020	21.487.287.134

(2.1) Chủ yếu bao gồm các khoản phải thu liên quan đến hoạt động dịch vụ ga hàng hóa. Trong đó, khoản phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ là 144,239.54 USD tương đương với 3.082.418.505 đồng.

(2.2) Trong đó, bao gồm khoản trả trước cho người bán có gốc ngoại tệ là 4,375.00 USD tương đương với 93.712.500 đồng.

3. Tài sản ngắn hạn khác		Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	(*)	1.156.472.537	389.741.111
Tài sản ngắn hạn khác (các khoản tạm ứng)		257.276.552	103.100.164
Cộng		1.413.749.089	492.841.275

(*) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	730.133.463	338.981.661
Chi phí bản quyền phần mềm vi tính chờ phân bổ	234.375.000	-
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	191.964.074	50.759.450
Cộng	1.156.472.537	389.741.111

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

4. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Số dư đầu năm	599.814.799.087	235.383.237.023	38.135.211.425	28.504.396.828	4.533.219.111	906.370.863.475
Tăng	-	3.681.301.284	267.500.000	-	-	3.948.801.284
Giảm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	599.814.799.087	239.064.538.307	38.402.711.425	28.504.396.828	4.533.219.111	910.319.664.759
Hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	43.275.316.826	32.471.497.056	9.270.281.632	6.761.830.641	1.031.864.011	92.810.790.166
Tăng	22.420.033.415	16.061.829.871	4.498.620.666	3.111.274.020	457.160.784	46.548.918.756
Giảm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	65.695.350.241	48.533.326.927	13.768.902.298	9.873.104.661	1.489.024.795	139.359.708.922
Số dư đầu năm	556.539.482.261	202.911.739.967	28.864.929.793	21.742.566.187	3.501.355.100	813.560.073.309
Số dư cuối năm	534.119.448.846	190.531.211.380	24.633.809.127	18.631.292.167	3.044.194.316	770.959.955.837

Nguyên giá và hao mòn lũy kế đầu năm của tài sản cố định đã được trình bày lại cho phù hợp theo từng chủng loại tài sản.

TSCĐ tăng trong năm do mua sắm mới.

Tài sản cố định là phương tiện vận tải đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2014 là 211.009.913.305 đồng (Thuyết minh tại Mục số 8 và 14**).

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng 1.307.671.493 đồng.

5. Tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên giá	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Số dư đầu năm	61.058.712.000	3.792.946.199	64.851.658.199
Tăng	-	-	-
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm	61.058.712.000	3.792.946.199	64.851.658.199
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	10.202.175.533	731.220.913	10.933.396.446
Tăng	5.133.671.102	379.294.612	5.512.965.714
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm	15.335.846.635	1.110.515.525	16.446.362.160
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	50.856.536.467	3.061.725.286	53.918.261.753
Số dư cuối năm	45.722.865.365	2.682.430.674	48.405.296.039

Tài sản cố định thuê tài chính liên quan đến Hợp đồng cho thuê tài chính được thuyết minh tại Mục số 14.2(*)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

6. Tài sản cố định vô hình (Phần mềm vi tính)

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	15.124.562.285	215.400.000	-	15.339.962.285
Hao mòn lũy kế	3.836.184.571	1.919.800.149	-	5.755.984.720
Giá trị còn lại	11.288.377.714			9.583.977.565

TSCĐ vô hình tăng lên trong năm là phần mềm vi tính được cài đặt mới.

7. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	(7.1) 72.156.357.990	76.197.770.711
Tài sản dài hạn khác	(7.2) 3.286.565.000	3.292.565.000
Cộng	75.442.922.990	79.490.335.711
(7.1) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.166.880.674	3.783.977.009
Giá trị tiền thuê đất	(*) 63.585.034.016	65.052.380.952
Phần chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá bán TSCĐ đối với hợp đồng bán tài sản cố định và thuê lại tài sản thuê tài chính	6.357.824.083	6.985.303.743
Chi phí chờ phân bổ khác (chi phí bảo hiểm tài sản,...)	46.619.218	376.109.007
Cộng	72.156.357.990	76.197.770.711

(*) Giá trị tiền thuê khu đất 14,3 ha tại số 6, đường Thăng Long, phường 14, quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh (Nay là khu đất thuộc địa chỉ 30 Phan Thúc Duyệt, quận Tân Bình, Tp. HCM), theo biên bản thỏa thuận góp vốn từ Công ty Sửa chữa Máy bay A41, với tổng chi phí thuê là 71.900.000.000 đồng. Công ty đang tiến hành phân bổ theo thời gian của dự án "Trung tâm Dịch vụ Hàng Hóa Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất" là 49 năm tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư (ngày 20/4/2009).

(7.2) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ thuê máy photocopy, thuê xe nâng	44.000.000	50.000.000
Khoản ký quỹ cho Hợp đồng thuê tài chính	3.242.565.000	3.242.565.000
Cộng	3.286.565.000	3.292.565.000

8. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	15.000.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh tại Mục số 14.2***)	70.856.537.924	39.657.132.728
Cộng	85.856.537.924	39.657.132.728

Vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 2 TP.HCM theo hợp đồng tín dụng số 27/2014 - HĐTDHM/NHCT904 - SCSC ngày 29/8/2014 với hạn mức tín dụng là 15 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh dịch vụ nhà ga hàng hóa. Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 05 tháng. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2014 là 6,5%/năm. Tài sản đảm bảo: Xe nâng điện hiệu TMC (1 cái), xe nâng điện ngồi lái 2,5 tấn hiệu TMC (7 cái) và Bình điện dự phòng cho xe nâng điện với tổng giá trị được định giá là 4.300.000.000 đồng để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ phát sinh tại Vietinbank. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là 15.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

	Số cuối năm	Số đầu năm
9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước		
Phải trả người bán	1.759.594.366	2.351.774.582
Người mua trả tiền trước	504.142	624.786.241
Cộng	1.760.098.508	2.976.560.823
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế giá trị gia tăng	1.662.854.594	1.371.363.661
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.067.867.269	
Thuế thu nhập cá nhân	268.805.406	234.549.177
Cộng	5.999.527.269	1.605.912.838
11. Phải trả người lao động		
Lương còn phải trả nhân viên	5.719.000.000	5.085.067.197
12. Chi phí phải trả		
Chi phí lãi vay ngân hàng, lãi thuê tài chính còn phải trả	712.064.276	1.061.147.895
Chi phí phải trả khác	165.750.000	1.187.952.722
Cộng	877.814.276	2.249.100.617
13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	663.213.687	617.136.267
Phải trả Công ty CP Hàng không Vietjet Air liên quan đến khoản tiền hỗ trợ chi phí đầu tư, thiết kế, trang bị và lắp đặt hạ tầng khai thác vận hành kho hàng nội địa	-	187.967.193
Phải trả Công ty Sửa chữa Máy bay A41 liên quan đến lợi nhuận phân phối năm 2014 (Thuyết minh tại Mục số 3 - Phần VII)	15.000.000.000	-
Phải trả khác	6.000.000	6.000.000
Cộng	15.669.213.687	811.103.460
14. Nợ dài hạn		
Phải trả dài hạn khác (14.1)	7.072.425.381	6.151.210.541
Vay và nợ dài hạn (14.2)	287.014.540.921	459.829.441.302
Doanh thu chưa thực hiện (14.3)	34.650.344.161	46.170.978.678
Cộng	328.737.310.463	512.151.630.521

(14.1) Nhận đặt cọc, ký quỹ cho thuê văn phòng, cho thuê mặt bằng và phát hành vận đơn,...



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

(14.2) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ thuê tài chính	(*) 47.998.596.390	54.998.596.390
Vay dài hạn	(**) 309.872.482.455	444.487.977.640
Nợ dài hạn đến hạn trả	(***) (70.856.537.924)	(39.657.132.728)
Cộng	287.014.540.921	459.829.441.302

(*) Nợ dài hạn liên quan đến hợp đồng thuê tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (ACB Leasing) theo hai hợp đồng thuê:

Hợp đồng số 02.12.11/HĐCTTC-SCSC ngày 27/12/2011, với số tiền được giải ngân là 49.726.525.357 đồng; thời hạn cho thuê là 84 tháng; lãi cho thuê tài chính được thay đổi định kỳ 03 tháng/lần; trả nợ gốc tiền thuê tài chính định kỳ 03 tháng/lần. Sau khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, Công ty sẽ mua lại tài sản thuê với giá mua lại tối thiểu là 1 triệu đồng. Dư nợ gốc thuê tài chính tại ngày 31/12/2014 là **39.576.525.357 đồng**.

Hợp đồng số 02.12.11/HĐCTTC1-SCSC ngày 01/02/2012, với số tiền được giải ngân là 10.272.071.033 đồng; thời hạn cho thuê là 84 tháng; lãi cho thuê tài chính được thay đổi định kỳ 03 tháng/lần; trả nợ gốc tiền thuê tài chính định kỳ 03 tháng/lần. Sau khi kết thúc thời hạn thuê tài chính, Công ty sẽ mua lại tài sản thuê với giá mua lại tối thiểu là 1 triệu đồng. Dư nợ gốc thuê tài chính tại ngày 31/12/2014 là **8.422.071.033 đồng**.

(**) Vay từ Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở Giao dịch theo các hợp đồng:

Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 60866429 ngày 15/6/2009 với hạn mức tín dụng được cấp là 480.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 120 tháng, thời gian ân hạn 24 tháng, lãi suất tại ngày 31/12/2014 đối với VND là 8,5% và với USD là 5%/năm, lãi vay được trả hàng tháng. Mục đích vay là đầu tư xây dựng nhà ga hàng hóa - Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất. Tài sản đảm bảo: Quyền khai thác dự án nhà ga hàng hóa với trị giá ước tính 630 tỷ đồng và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay với tổng trị giá ước tính 266 tỷ đồng. Dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 là **282.946.528.548 đồng** bao gồm 215.368.853.013 đồng và 3,161,528.68 USD tương đương 67.577.675.535 đồng.

Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 97705549 ngày 06/10/2010 với hạn mức được cấp là 50.000.000.000 đồng. Thời hạn vay đến hết ngày 25/6/2019; lãi suất tại ngày 31/12/2014 đối với USD là 5%/năm, lãi vay được trả hàng tháng. Mục đích vay là: đầu tư xây dựng nhà ga hàng hóa sân bay Tân Sơn Nhất. Tài sản đảm bảo: Quyền khai thác dự án nhà ga hàng hóa sân bay Tân Sơn Nhất với giá trị ước tính là 630 tỷ đồng; Máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay (01 xe nâng Dầu Diesel Komatsu, 111 xe nâng hàng Dolly/Trolley, 06 chiếc xe nâng) với tổng trị giá ước tính là 10.707.000.000 đồng. Dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 là 1,259,693.75 USD tương đương **26.925.953.907 đồng**.

(***) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	(12.000.000.000)	(7.000.000.000)
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	(58.856.537.924)	(32.657.132.728)
Cộng	(70.856.537.924)	(39.657.132.728)

(14.3) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến việc cho Tổng Công ty Hàng không miền Nam thuê sân đậu máy bay	33.412.000.002	44.812.000.002
Doanh thu chưa thực hiện khác	1.238.344.159	1.358.978.676
Cộng	34.650.344.161	46.170.978.678



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

15. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	480.000.000.000		-	480.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	644.128.916		-	644.128.916
Quỹ dự phòng tài chính	460.428.661		-	460.428.661
Lợi nhuận (lỗ) chưa phân phối	(52.616.942.500)	92.337.087.715	20.000.000.000	19.720.145.215
Cộng	428.487.615.077	92.337.087.715	20.000.000.000	500.824.702.792

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009937 ngày 08/4/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 28/7/2014, vốn điều lệ của Công ty là 480 tỷ đồng, chia thành 48.000.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) bao gồm: 40.810.000 cổ phần phổ thông và 7.190.000 cổ phần ưu đãi cổ tức.

Danh sách cổ đông sáng lập	Theo Đăng ký kinh doanh lần đầu		Vốn góp thực tế tại ngày 31/12/2014	
	Số tiền	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Số tiền
Cụm cảng Hàng không miền Nam	75.000.000.000	25%	16%	75.000.000.000
Công ty CP Đại lý Liên hiệp Vận chuyển	69.000.000.000	23%	29%	141.250.000.000
Công ty Sửa chữa Máy bay A41 (*)	72.000.000.000	24%	15%	72.025.000.000
Công ty Đầu tư Nam Phú Quốc tế	33.000.000.000	11%	11%	53.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Á Châu	27.000.000.000	9%	13%	63.750.000.000
Công ty CP Sóng Việt	24.000.000.000	8%	0%	-
Các cổ đông khác			16%	74.975.000.000
Cộng	300.000.000.000	100%	100%	480.000.000.000

(*) Tổng trị giá góp vốn của Công ty Sửa chữa Máy bay A41 là 72.025.000.000 đồng, bao gồm: 125.000.000 đồng (tương đương 12.500 cổ phần phổ thông) góp bằng tiền mặt và 71.900.000.000 đồng (tương đương 7.190.000 cổ phần ưu đãi cổ tức) góp bằng giá trị tiền thuê 14,3 ha đất tại số 06, đường Thăng Long, phường 14, quận Tân Bình, Tp. HCM (Nay là khu đất tại địa chỉ 30 Phan Thúc Duyệt, quận Tân Bình, Tp. HCM) theo Quyết định số 544/QĐ-TL của Bộ Tư Lệnh PK-KQ ngày 03/4/2008.

Lợi nhuận chưa phân phối giảm do phân phối lợi nhuận năm 2014 cho Công ty Sửa chữa Máy bay A41 (Thuyết minh tại Mục số 3 - Phần VII).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần		
Doanh thu khai thác nhà ga	234.267.961.741	172.836.324.834
Doanh thu cho thuê sân đậu máy bay	11.937.954.917	11.693.350.429
Doanh thu cho thuê văn phòng, bãi đậu xe, sân bóng,... và các dịch vụ liên quan	28.703.329.237	23.650.686.865
Doanh thu khác	555.262.210	149.380.181
Cộng	275.464.508.105	208.329.742.309
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	275.464.508.105	208.329.742.309
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn khai thác nhà ga	80.941.785.117	76.275.548.673
Giá vốn cho thuê sân đậu máy bay	6.228.760.549	4.364.276.284
Giá vốn từ hoạt động cho thuê văn phòng, bãi đậu xe, sân bóng,... và các dịch vụ liên quan	5.925.675.317	6.735.714.988
Giá vốn khác	166.624.274	184.042.209
Cộng	93.262.845.257	87.559.582.154
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	134.659.423	505.260.374
Lãi chênh lệch tỷ giá	55.104.249	448.372.625
Cộng	189.763.672	953.632.999
4. Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay	32.448.857.873	52.465.669.629
Chi phí lãi thuê tài chính	4.859.704.053	7.248.118.853
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.383.305.215	1.809.145.677
Cộng	38.691.867.141	61.522.934.159
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	24.111.271.534	19.062.363.494
Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	4.205.471.048	3.841.171.849
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.035.093.423	3.134.307.331
Thuế, phí và lệ phí	127.586.054	170.465.144
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.076.832.620	2.219.104.824
Chi phí khác bằng tiền	10.531.683.193	11.801.884.075
Cộng	46.087.937.872	40.229.296.717

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

	Năm nay	Năm trước
6. Thu nhập khác		
Thu nhập từ khoản công nợ không phải trả	3.602.964	1.388.736.057
Thu nhập khác	126.574.263	61.378.975
Cộng	130.177.227	1.450.115.032
7. Chi phí khác		
Thù lao HĐQT và BKS	798.500.000	367.500.000
Chi phí phạt về thuế	20.852.638	168.417.058
Chi phí phạt BHXH	6.791.297	-
Chi phí khác	483.937.671	613.977.233
Cộng	1.310.081.606	1.149.894.291
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	96.431.717.128	20.271.783.019
<i>Cộng các khoản điều chỉnh tăng</i>	1.739.823.886	1.223.519.179
<i>Chuyển lỗ năm nay</i>	(57.225.246.889)	(21.495.302.198)
Thu nhập chịu thuế ước tính:	40.946.294.124	-
- <i>Thu nhập chịu thuế từ hoạt động nhà ga</i>	42.271.125.633	-
- <i>Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh khác</i>	(1.324.831.508)	-
Thuế suất thuế TNDN từ hoạt động nhà ga	20%	20%
Thuế suất thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh khác	22%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.189.258.825	-
Thuế TNDN được giảm	(4.094.629.412)	-
Thuế TNDN phải nộp ước tính	4.094.629.412	-
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	92.337.087.715	20.271.783.019
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(20.000.000.000)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	72.337.087.715	20.271.783.019
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	40.810.000	40.810.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.773	497

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.124.269.377	6.029.648.200
Chi phí nhân công	49.658.401.987	41.039.981.724
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.981.684.619	50.160.772.566
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.633.073.974	16.637.912.898
Chi phí bằng tiền khác	13.837.733.785	12.026.191.819
Cộng	139.235.163.742	125.894.507.207

VII. Thông tin khác

1. Nghiệp vụ các bên liên quan

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Hội đồng Quản trị		Chi thù lao	798.500.000
Công ty Sửa chữa Máy bay A41	Cổ đông	Phân phối lợi nhuận	(20.000.000.000)

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu/(Phải trả)
Công ty Sửa chữa Máy bay A41	Cổ đông	Phải trả phân phối lợi nhuận	(15.000.000.000)
		Trả trước người bán	8.128.846

2. Quản lý rủi ro tài chính

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:

Tài sản tài chính	Tại ngày 31/12/2014	
	USD	Trương đương VND
Tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng	125,265.48	2.677.551.773
Phải thu khách hàng	144,239.54	3.082.418.505
Tổng cộng	269,505.02	5.759.970.278

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

Nợ tài chính	Tại ngày 31/12/2014	
	USD	Tương đương VND
Chi phí phải trả (lãi vay phải trả)	4,298.41	92.115.142
Vay và nợ dài hạn	4,421,222.43	94.503.629.442
Tổng cộng	4,425,520.84	94.595.744.584
Mức rủi ro tiền tệ	(4,156,015.82)	(88.835.774.306)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh/(yếu) đi 5% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho năm tài chính 2014 sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (4.441.788.715) đồng Việt Nam do lãi/(lỗ) chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại.

Rủi ro giá

Công ty không có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty nên Công ty không chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với biến động lãi suất đối với Việt Nam Đồng (VND) là tăng/(giảm) 2% thì:

Tại ngày 31/12/2014

Tài sản có lãi suất

Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn

-

Tổng

-

Tổng số dư Tài sản có lãi suất nhân với 2% (hai phần trăm): 0 đồng (A).

Nợ phải trả có lãi suất

Tại ngày 31/12/2014

Các khoản vay

372.871.078.845

Tổng

372.871.078.845

Tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất nhân với 2% (hai phần trăm): 7.457.421.577 đồng (B).

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Công ty do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là (A) - (B) = (7.457.421.577) đồng.

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Số dư ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 19.878.761.883 đồng.

Tài sản tài chính quá hạn và/ hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị:

Giá trị ghi sổ	Tại ngày 31/12/2014
Tổng gộp	50.178.813
Trừ dự phòng giảm giá trị	(50.178.813)
Giá trị thuần của khoản phải thu này	<u>-</u>

c. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong thời kỳ tài chính tới của Công ty.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	85.856.537.924	287.014.540.921	372.871.078.845
Phải trả người bán	1.759.594.366	-	1.759.594.366
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.999.527.269	-	5.999.527.269
Phải trả người lao động	5.719.000.000	-	5.719.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	16.547.027.963	7.072.425.381	23.619.453.344
Tổng cộng	115.881.687.522	294.086.966.302	409.968.653.824

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là trung bình. Công ty có thể tiếp cận được các nguồn vốn của Công ty từ bên ngoài khi cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị, và Quyền khai thác dự án nhà ga hàng hóa sân bay Tân Sơn Nhất (Thuyết minh tại Mục số 8 và 14.2 - Phần V - Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Công ty cũng không nắm giữ một loại tài sản nào của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 bởi Công ty không tồn tại số dư một khoản cho vay nào.

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

3. Các cam kết khác

Theo thỏa thuận tại hợp đồng hợp tác khai thác dịch vụ tổng hợp hàng không (hợp đồng dự thảo) giữa Công ty và Quân chủng Phòng không – Không quân (đơn vị chủ quản của Công ty Sửa chữa Máy bay A41). Theo đó, Công ty phải phân phối lợi nhuận sau thuế hàng năm không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho đơn vị này cho giai đoạn từ năm 2014 đến 2018 với số tiền lần lượt là 20 tỷ đồng (năm 2014), 20 tỷ đồng (năm 2015), 26 tỷ đồng (năm 2016), 30 tỷ đồng (năm 2017) và 30 tỷ đồng (năm 2018); giai đoạn từ năm 2019 đến 2057 hai bên sẽ tiếp tục thương thảo.

Theo Thỏa thuận nguyên tắc thành lập Công ty ngày 17/8/2008, Công ty Sửa chữa Máy bay A41 góp 72 tỷ đồng gồm: 71,9 tỷ đồng bằng tiền thuê 14,3 ha đất quốc phòng tại số 6, đường Thăng Long, phường 14, quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh (Nay là khu đất thuộc địa chỉ 30 Phan Thúc Duyệt, quận Tân Bình, Tp. HCM), ổn định trong 15 năm, 05 tháng đầu / thời hạn 49 năm của dự án và 100 triệu bằng tiền mặt. Hiện tại, Công ty vẫn đang phân bổ tiền thuê khu đất này tương ứng với 49 năm.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty chỉ có một bộ phận tham gia vào cung cấp dịch vụ tại một môi trường kinh tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng trường hợp khác)

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

- Công ty đang tiến hành ký kết hợp đồng hợp tác khai thác dịch vụ tổng hợp hàng không với Quân chủng Phòng không - Không quân.

- Hội đồng Quản trị Công ty đang xem xét tỷ lệ cổ tức phải trả đối với cổ phần cổ tức ưu đãi.

Ngoài những sự kiện như đã nêu trên, Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



Ngô Thị Anh Thư
Người lập biểu



Lê Xuân Lộc
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Khánh
Tổng Giám Đốc

Ngày 24 tháng 01 năm 2015